TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **20**/2023/HNGĐ - ST Ngày 20-7-2023 *V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lại Duy Tuấn.

2. Ông Lê Đức Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên

Ngày 20/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 275/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mạch Thị D, sinh năm 1978.

ĐKNKTT: Thôn T, xã C, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: anh Mạch Văn N, sinh năm 1977

ĐKNKTT: Thôn T, xã C, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: SN xx,ấp x, tổ xx, xã X, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa vắng mặt chị D và anh N (Chị D và anh N đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 13/7/2022 và bản tự khai ngày 12/12/2022, bản tự khai ngày 26/6/2023, nguyên đơn chị Mạch Thị D trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Chị và anh Mạch Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2002 tại UBND xã C, huyện Nông

Cống, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cải vã, xích mích, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng nhưng vợ chồng không hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Hiện nay chị không có thai nghén gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

- *Về con chung*: Chị và anh N có 04 con chung là Mạch Thị T, sinh ngày 25/9/2001, Mạch Thị V, sinh ngày 21/10/2004, Mạch Thị N1, sinh ngày 25/6/2010 và Mạch Văn M, sinh ngày 20/02/2013.

Hiện nay hai cháu Mạch Thị T và Mạch Thị V đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; hai cháu Mạch Thị N1 và Mạch Văn M đang ở với chị D. Nguyện vọng của chị khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng hai con Mạch Thị N1 và Mạch Văn M và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2023 bị đơn là anh Mạch Văn N trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa vào năm 1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, nên thường xuyên xảy ra cải vã. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D đề nghị ly hôn,anh cũng đồng ý ly hôn với chị D.

- *Về con chung:* Anh và chị D có 04 con chung là Mạch Thị T, sinh ngày 25/9/2001, Mạch Thị V, sinh ngày 21/10/2004, Mạch Thị N1, sinh ngày 25/6/2010 và Mạch Văn M, sinh ngày 20/02/2013. Hiện nay hai cháu Mạch Thị T và Mạch Thị V đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; hai cháu Mạch Thị N1 và Mạch Văn M đang ở với chị D, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mạch Văn M và nhường quyền nuôi cháu Mạch Thị N1 cho chị D. Anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết

**Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

**** Về tố tụng***:

- *Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thu lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định

của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự:* Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn nhưng chị D và anh N đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy việc vắng mặt của chị D và anh N không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

**** Về nội dung:***

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Chị D và anh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Nông Cống, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian sống chung, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cải vã và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ khoảng năm 2017 đến nay. Tại bản tự khai, cả hai bên đương sự đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị được ly hôn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị D được ly hôn anh N.

Về con chung: Hiện nay Mạch Thị T, sinh ngày 25/9/2001, Mạch Thị V, sinh ngày 21/10/2004 đã thành niên và có khả năng lao động; cháu Mạch Thị N1, sinh ngày 25/6/2010 và Mạch Văn M, sinh ngày 20/02/2013 đang ở với chị D. Chị D có nguyện vọng giao hai con Mạch Thị N1 và Mạch Văn M cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Mach Văn N có nguyện vọng giao cháu Mạch Văn M cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và nhường quyền nuôi dưỡng cháu Mạch Thị N1 cho chị D nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong khi đó các cháu M và N1 lâu nay đang ở với chị D, anh N không quan tâm đến các con và nguyện vọng của các con muốn được ở với mẹ. vì vậy đề nghị giao cháu N1 và cháu M cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung vì vậy không xem xét.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Mạch Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Nông Cống nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Mạch Văn N có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã C, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên việc chị Mạch Thị D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS

Quá trình giải quyết vụ án, anh Mạch Văn N có đơn đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án, vì vậy không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt chị Mạch Thị D và anh Mạch Văn N, tuy nhiên chị D và anh N đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị D và anh N là đúng với quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:*

- Về hôn nhân: Chị Mạch Thị D và anh Mạch Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Nông Cống, Thanh Hóa ngày 19/11/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay cả hai vợ chồng đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

- Về con chung: vợ chồng có 04 con chung là Mạch Thị T, sinh ngày 25/9/2001, Mạch Thị V, sinh ngày 21/10/2004, Mạch Thị N1, sinh ngày 25/6/2010 và Mạch Văn M, sinh ngày 20/02/2013. Hiện nay hai cháu Mạch Thị T và Mạch Thị V đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; hai cháu Mạch Thị N1 và Mạch Văn M đang ở với chị D.

Nguyện vọng của chị D sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1 và cháu M và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai, nguyện vọng của anh N là được nuôi dưỡng cháu M và nhường quyền nuôi dưỡng cháu N1 cho chị D, anh không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Xét yêu cầu về việc ly hôn và nuôi con chung của chị D và anh N thấy rằng:

Chị D và anh N kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có thời gian tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Nông Cống, Thanh Hóa ngày 19/11/2002, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, do tính tình không hợp nên vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau từ khoảng năm 2017. Đến nay cả hai đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị Tòa án được ly hôn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị D được ly hôn anh N là đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị D và anh N có 04 con chung là Mạch Thị T, sinh ngày 25/9/2001, Mạch Thị V, sinh ngày 21/10/2004, Mạch Thị N1, sinh ngày 25/6/2010 và Mạch Văn M, sinh ngày 20/02/2013

Trong quá trình xây dựng hồ sơ chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con là Mạch Thị N1 và Mạch Văn M. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con

Về phía anh N, anh xin được nuôi cháu M và nhường quyền nuôi cháu N1 cho chị D và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của anh N và chị D thấy rằng: Hiện nay hai cháu là Mạch Thị N1 và Mạch Văn M đang ở với chị D. Chị D đang làm công nhân ở khu công nghiệp Vĩnh Lộc thu nhập bình quân là 8.000.000đ. Tại bản trình bày ý kiến của cháu N1 và cháu M đều có nguyện vọng ở với mẹ. Tại biên bản xác minh ngày 23/6/2023, theo ý kiến của bà Mạch Thị L: hiện nay cháu N1 và cháu M đang còn nhỏ, hơn nữa hai con đang ở với mẹ và không muốn tách hai chị em mỗi người mỗi nơi nên đề nghị Tòa án giao hai con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao cháu N1 và cháu M cho chị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là là phù hợp, tránh sự sáo trộn cuộc sống của các con và các con có được sự chăm sóc tốt hơn, chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung vì vậy không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét. Dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về tài sản và công nợ chung cho hai bên đương sự.

[4] Về án phí: Chị Mạch Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51,56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án

phí, lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Mạch Thị D được ly hôn anh Mạch Văn N

2. Về con chung: giao cháu Mạch Thị N1, sinh ngày 25/6/2010 và Mạch Văn M, sinh ngày 20/02/2013 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của các con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí:

Chị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2021/0007068 ngày 17/10/2022. Chấp nhận chị D đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị D và anh N. Chị D và anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã C, Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Võ Kỳ Anh